TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 16/2020/HS-ST
Ngày: 15-5-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Vương

2. Ông Trịnh Văn Đoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2020/HSST ngày 07 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS ngày 26/3/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Tiến V; sinh năm 1984 tại Hà Nội; tên gọi khác: Vượn, Vượng.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Phú Hạ, xã Minh Phú, huyện S, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Tổ 5, ấp C, xã T, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Đỗ Thị B; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Ô, sinh năm 1989 (hiện đang ly thân); có chung với chị Môn 02 con chung, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2011; hiện nay bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1988, có 01 con chung với chị Tiền sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/11/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Bùi Hoàng N, sinh năm 1984. Trú tại: Ấp Bàu Teng, xã Quang Minh, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước "vắng, có đơn xin xét xử vắng mặt".

2. Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1972. Trú tại: Tổ 5, ấp Sóc Răng, xã T, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước "Có mặt".

3. Bà Trần Thị L, sinh năm 1968. Trú tại: Tổ 2, ấp Xa Trạch 2, xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước "Có mặt".

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1988. Trú tại: Tổ 5, ấp C, xã T, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước "Có mặt".

2. Ông Lê Công C, sinh năm 1965. Trú tại: Tổ 2, ấp Xa Trạch 2, xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước "Có mặt".

3. Ông Nguyễn Bách CH, sinh năm 1990.Trú tại: Tổ 2, khu phố Phú Trung, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước "Vắng, có đơn xin xét xử vắng mặt".

4. Anh Phạm Minh G, sinh năm 1987. Trú tại: Tổ 1, khu phố Bình Sơn, phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước Phước "Vắng, có đơn xin xét xử vắng mặt".

5. Anh Nguyễn Văn O, sinh năm 1985. Trú tại: Khu phố 2, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước "Vắng, có đơn xin xét xử vắng mặt".

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Đức U, sinh năm 1978. Trú tại: Văn phòng công chứng Hớn Quản, khu phố 1, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước Phước "Vắng, có đơn xin xét xử vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp ổn định và cần tiền tiêu xài nên vào khoảng thời gian đầu tháng 8/2018, Nguyễn Tiến V đã nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để mang đi cầm cố cho người khác nhằm chiếm đoạt tiền để tiêu xài cá nhân. Để thực hiện ý định trên, V đã thuê một người không quen biết trên mạng Internet làm giả 02 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất với giá 20.000.000 đồng; đồng thời V cung cấp thông tin thửa đất số 42, tờ bản đồ số 32, có diện tích 11.567,5 m^2 tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (hiện nay do anh Nguyễn Bách CH ngụ tại khu phố Phú Trung, phường Phú Đức, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước đứng tên chủ sở hữu) và họ tên của V cho người nhận làm giấy tờ giả trên mạng Internet rồi người này đưa cho V 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, số CN 361529, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp (người ký sổ là ông Lê Đình Sử TUQ Giám đốc sở), sau đó V sử dụng giấy chứng nhận giả trên thực hiện hành vi phạm tội như sau:

- Khoảng 11 giờ ngày 09/9/2018, qua thông tin thì anh Phạm Minh G, sinh năm 1987 ngụ tổ 1, khu phố Bình Sơn, phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước và anh Bùi Hoàng N, sinh năm 1984 nơi cư trú ấp Bàu Teng, xã Quang Minh, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước biết được Nguyễn Tiến V đang cần cầm cố 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện Hớn Quản nên anh G đã gọi điện cho Nguyễn Tiến V thì V xác định anh đang cần cầm cố 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đặc điểm như trên, vì vậy lúc này V nảy sinh ý định lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 361529 giả để cầm cố cho anh N nhằm lấy tiền tiêu xài.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, V dẫn anh G, anh N đến xem thửa đất tọa lạc tại ấp C, xã T và V nói Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do V đứng tên sở hữu vì cần tiền xây nhà nên muốn cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay số tiền 150.000.000 đồng, nghe vậy anh N đồng ý. Khoảng 14 giờ 30 cùng ngày 09/9/2019, V và anh N đến Văn phòng Công chứng Hớn Quản địa chỉ khu phố 1, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước thỏa thuận dưới hình thức làm Hợp đồng ủy quyền cho anh N sử dụng diện tích đất nói trên. Trong lúc đang soạn thảo hợp đồng thì anh N và V làm giấy giao, nhận tiền, anh N đưa trước cho V số tiền 20.000.000 đồng. Quá trình soạn thảo làm Hợp đồng ủy quyền, anh Nguyễn Đức U là Công chứng viên của Văn phòng công chứng phát hiện, xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CN 361529, thửa đất số 42, tờ bản đồ số 32, có diện tích 11.567,5 m^2 tọa lạc tại tổ 5, ấp C xã T, huyện Hớn Quản chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Nguyễn Tiến V là giấy tờ giả và thông báo cho anh N biết, sau đó anh N đã trình báo sự việc đến Cơ quan Công an để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Kết luận giám định số: 325/2018/GĐ – KTHS ngày 07/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số 42 tờ bản đồ số 32 tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước CN 361529 mà V cầm cố cho anh N là giả.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Hớn Quản đã xác định được Nguyễn Tiến V còn thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, như sau:

- Khoảng đầu tháng 8/2018, Nguyễn Tiến V đến nhà bà Trần Thị L, sinh năm 1968 nơi cư trú tổ 2, ấp Xa Trạch 2, xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, nói dối với bà L là cần tiền đóng thuế để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nghe vậy bà L đã đưa cho V vay số tiền 6.000.000 đồng. Khoảng 03 ngày sau, V tiếp tục đến nhà đưa cho bà L 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CN 361529 mà V đã làm giả trước đó để nhờ bà L cầm cố giúp với số tiền 25.000.000 đồng (bà L không biết là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả), sau đó bà L đồng ý cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên với số tiền 25.000.000 đồng, số tiền trên V đã tiêu xài hết.

Căn cứ Kết luận giám định số: 342/2018/GĐ – KTHS ngày 05/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số 42 tờ bản đồ số 32 tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước số CN 361529 mà V đã cầm cố cho chị Vân là giả.

- Khoảng 8 giờ ngày 27/7/2017, Nguyễn Tiến V nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1972 nơi cư trú: Tổ 5, ấp Sóc Răng, xã T, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước để đi cầm cố lấy tiền tiêu xài, V đến nhà chị Ng nói dối là mượn xe mô tô đi qua tỉnh Tây Ninh để lấy gỗ về đóng cho khách hàng, do có quen biết nên khi nghe V nói mượn xe mô tô thì chị Ng đồng ý, tin tưởng giao xe mô tô Vision, biển kiểm soát 93F1 – 147.30 và Giấy đăng ký xe mô tô cho V. Sau khi nhận xe mô tô thì V chạy xe đến tiệm cầm đồ "Ngoãn" tại khu phố 5,

thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản do anh Nguyễn Văn O, sinh năm 1985 làm chủ, cầm cố được số tiền 15.000.000 đồng, số tiền trên V đã tiêu xài hết.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, V điện thoại nói dối chị Ng là xe mô tô bị Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tạm giữ do V chạy quá tốc độ. Tuy nhiên ngày 28/7/2017, chị Ng đến Công an huyện Tân Châu hỏi rõ sự việc thì được Công an Tân Châu trả lời không tạm giữ xe mô tô nào biển kiểm soát: 93F1–147.30, tại thời điểm này V mới thừa nhận với chị Ng đã cầm cố xe mô tô để lấy tiền tiêu xài.

Đến này 29/7/2017, V đưa cho chị Ng số tiền 5.000.000 đồng, chị Ng bỏ ra số tiền 10.000.000 đồng để chuộc lại xe mô tô biển kiểm soát: 93F1 – 147.30, đồng thời chị Ng đã làm đơn tố cáo V đến Cơ quan Công an để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 82/KL-HĐĐGTSTTTHS ngày 06/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hớn Quản kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda; loại xe Vision, màu xanh, biển kiểm soát 93F1-147.30 tại thời điểm bị lừa đảo chiếm đoạt có giá trị là: 17.400.000 đồng.

Vật chứng vụ án thu giữ: 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, mang tên Nguyễn Tiến V, CN 361529; Số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); 01 xe mô tô, hiệu Wave, màu đỏ, biển kiểm soát 51V1-3767; 01 Giấy nhận tiền lập ngày 09/9/2018, lưu theo hồ sơ vụ án; 03 Hợp đồng ủy quyền ngày 09/9/2018 có chữ ký của anh Nguyễn Tiến V và Bùi Hoàng N; 01 Thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Tiến V số: 001084014119 và 01 Sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Tiến V số 240711822.

Cáo trạng số 10/Ctr-VKS ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Tiến V về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 điều 174 và tội "sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến V phạm "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; áp dụng các điểm b, d khoản 2 Điều 341 các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về "Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức";

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tiến V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 27/7/2017, bị cáo nói dối với chị Nguyễn Thị Ng mượn xe mô tô hiệu Vision do hãng Honda sản xuất, biển số 93F1-14730 để đi Tây Ninh lấy gỗ. Sau khi được chị Ng giao xe, Bị cáo đã mang xe cầm cố anh Nguyễn Văn O chủ tiệm cầm đồ Ngoãn để lấy số tiền 15.000.000đ.

Vụ thứ 2: Khoảng thời gian đầu tháng 8/2018, bị cáo đã thuê một người không quen biết trên mạng Internet làm giả 02 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cùng 01 số: CN 361529.

Khoảng đầu tháng 8/2018, Bị cáo dùng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CN 361529 cầm cố cho bà Trần Thị L lấy số tiền 25.000.000đ. Sau đó bị cáo nói dối với bà L cho vay thêm 6.000.000đ để đóng thuế đất, nhưng thực tế Bị cáo sử dụng trả tiền cho đối tượng làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng cộng Bị cáo chiếm đoạt của bà Trần Thị L số tiền 31.000.000đ.

Vụ thứ 3: Ngày 09/9/2018, bị cáo tiếp tục sử dụng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CN 361529 để cầm cố cho anh Bùi Hoàng N chiếm đoạt số tiền 20.000.000đ.

[3] Xét lời thừa nhận tội của Bị cáo phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá tài sản, Kết luận giám định 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lời khai của bị hại, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai nhân chứng và vật chứng thu giữ được. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hành vi lên mạng Internet thuê làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng 01 số: CN 361529 rồi sử dụng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này để lừa đảo chiếm đoạt của bà Trần Thị L 31.000.000đ, anh Bùi Hoàng N số tiền 20.000.000đ có đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

[4] Hành vi của Bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người bị hại và xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước. Do đó, Cáo trạng số 10/Ctr-VKS ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản truy tố bị cáo Nguyễn Tiến V về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định

tại điểm c khoản 2 Điều 174 và các điểm b, d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[5] Bị cáo nhận thức rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, sử dụng tài liệu giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác sẽ bị pháp luật trừng phạt nhưng vì để có tiền một cách nhanh chóng, dễ dàng nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm nhiều tội và nhiều lần. Đây là vụ án do bị cáo Nguyễn Tiến V thực hiện phạm vào nhiều tội nên cần đánh giá, phân tích từng tội danh để cụ thể hóa hình phạt của từng tội.

Đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" Bị cáo thực hiện tội phạm 03 lần mỗi lần đều đủ định lượng cấu thành tội phạm, có tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 68.400.000đ. Đây là tình tiết định khung tăng nặng "Chiếm đoạt tài sản từ 50.000.000đồng đến dưới 200.000.000đồng" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội hai lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Đối với tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" do bị cáo thực hiện có nhiều tình tiết tăng nặng định khung, gồm: "Phạm tội hai lần trở lên", "Sử dụng tài liệu thực hiện tội phạm nghiêm trọng", đây là 02 tình tiết tăng nặng định khung được quy định tại các điểm b,d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Xét thấy, Bị cáo phạm nhiều tội, phạm tội có nhiều tình tiết định khung tăng nặng nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài, để răn đe giáo dục đối với Bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, Bị cáo là người thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường cho người bị hại Ng 15.000.000đ để khắc phục hậu quả (Chuộc lại xe mô tô Vision biển số 93F1–147.30 của bị hại Ng), sau đó tác động với gia đình bồi thường cho bị hại Lý số tiền 25.000.000đ; Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, được các bị hại Ng và N xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Đối với bà Trần Thị L và anh Bùi Hoàng N không biết được bị cáo dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CN 361529 nên đã nhận cầm cố; anh Nguyễn Văn O không biết được chiếc xe mô tô hiệu Vision do bị cáo phạm tội mà có nên không phạm tội;

[8] Đối với việc ông Lê Công C trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa có trình bày bị cáo có lừa đảo chiếm đoạt của ông C số tiền 120.000.000đ. Xét lời khai của ông C và của Bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như lời trình bày của ông C tại phiên tòa đều xác định trước khi Bị cáo bị bắt giữa ông C với bị cáo đã nhiều lần làm ăn với nhau, ông C đã cho bị cáo ứng tiền nhiều lần để mua gỗ về bán cho ông C, thực tế Bị cáo cũng nhiều lần mua gỗ về bán cho ông C, trong đó có việc bị cáo mượn lại của ông C lại 01 khúc gỗ mà trước đó bị cáo bán cho ông C.

Như vậy, đây là giao dịch dân sự nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xử lý hình sự đối với bị cáo về hành vi dân sự này là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có căn cứ thì ông C có quyền khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự.

[9] Đối với người nhận làm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bị cáo Nguyễn Tiến V, do bị cáo thông qua Internet để thuê làm giấy tờ giả nên không xác định được nhân thân lai lịch của bên làm giấy tờ giả nên không xem xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 20.000.000đ bị cáo chiếm đoạt của anh Bùi Hoàng N. Đây là vật chứng của vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Hớn Quản đã trả lại cho anh N, anh N không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Đối với số tiền 31.000.000đ bị cáo chiếm đoạt của bà Trần Thị L. Sau khi bị cáo bị bắt tạm giam, chị Nguyễn Thị Kim T (Là người sống chung như vợ chồng với bị cáo) đã thỏa thuận với bà L bằng hình thức: Chị Tiền lấy số gỗ của bị cáo có ở nhà trị giá 25.000.000đ để khắc phục trả lại cho bà L, Số tiền còn lại là 6.000.000đ bà L yêu cầu bị cáo tiếp tục phải bồi thường là có căn cứ chấp nhận.

Đối với chiếc xe mô tô Vision biển số 93F1–147.30 của chị Ng, bị cáo cầm cố cho anh O lấy số tiền 15.000.000đ, sau khi bị phát hiện bị cáo đã đưa cho chị Ng 5.000.000đ để chuộc lại xe, chị Ng bỏ thêm 10.000.000đ để chuộc xe. Sau đó Bị cáo cũng đã hoàn trả lại cho chị Ng thêm 10.000.000đ này, tổng cộng bị cáo đã bồi thường cho chị Ng là 15.000.000đ để chuộc lại xe từ anh O, nay chị Ng không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm có liên quan đến chiếc xe Vision nên không xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng:

02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, mang tên Nguyễn Tiến V, số CN 361529 là giấy tờ giả cần tịch thu tiêu hủy;

01 Giấy nhận tiền lập ngày 09/9/2018, 03 Hợp đồng ủy quyền ngày 09/9/2018 có chữ ký của anh Nguyễn Tiến V và Bùi Hoàng N lưu theo hồ sơ vụ án nên không xem xét xử lý.

Số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) thu giữ sau khi bị cáo đã chiếm đoạt của anh Bùi Hoàng N. Số tiền này là tài sản của anh N, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Bùi Hoàng N là phù hợp nên không xem xét.

01 Thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Tiến V số: 001084014119; 01 Sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Tiến V số 240711822, Cơ quan Điều tra đã trả lại cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

01 xe mô tô, hiệu Wave, màu đỏ, biển kiểm soát 51V1-3767 là phương tiện của bị cáo Nguyễn Tiến V nhưng không liên quan trực tiếp đến tội phạm. Nhưng do chưa xác định rõ nguồn gốc xe nên giao cho Công an huyện Hớn Quản tiếp tục xác minh xử lý sau.

[12] Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000đ; án phí dân

sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 300.000đ (6.000.000đ bồi thường cho bà L x 5%= 300.000đ).

[13] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến V phạm các "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, d khoản 2 điều 341; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến V (Vượn, Vượng) phạm "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

2. Áp dụng các điểm b, d khoản 2 Điều 341 các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến V (Vượn, Vượng) 03 (Ba) năm tù về "Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức";

3. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến V (Vượn, Vượng) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội nêu trên buộc bị cáo Nguyễn Tiến V (Vượn, Vượng) phải chấp hành hình phạt chung là: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2019 bị bắt tạm giam.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Tiến V trả lại cho bà Trần Thị L số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền) nếu bên phải thi hành chậm thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CN 361529 mang tên Nguyễn Tiến V, là giấy tờ giả;

01 xe mô tô, hiệu Wave, màu đỏ, biển kiểm soát 51V1-3767 là phương tiện của bị cáo Nguyễn Tiến V nhưng không liên quan trực tiếp đến tội phạm. Nhưng do chưa xác định rõ nguồn gốc xe nên giao cho Công an huyện Hớn Quản tiếp tục xác minh xử lý sau.

Lưu theo hồ vụ án 01 Giấy nhận tiền lập ngày 09/9/2018, 03 Hợp đồng ủy quyền ngày 09/9/2018 có chữ ký của anh Nguyễn Tiến V và Bùi Hoàng N;

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Tiến V phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Đương sự;
- Bộ phận HSNV CA Hớn Quản;
- Phòng HSNC CA tỉnh Bình Phước;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khương